

# UCP 500

## NỘI DUNG

### A- NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VÀ ĐỊNH NGHĨA

**Điều 1:** Áp dụng của UCP

**Điều 2:** Định nghĩa tín dụng

**Điều 3:** Tín dụng và Hợp đồng

**Điều 4:** Chứng từ hàng hoá/dịch vụ/ các việc thực hiện

**Điều 5:** Lệnh phát hành / sửa đổi Tín dụng

### B- HÌNH THỨC VÀ THÔNG BÁO TÍN DỤNG

**Điều 6:** Tín dụng có thể huỷ bỏ và không thể huỷ bỏ

**Điều 7:** Trách nhiệm của ngân hàng thông báo

**Điều 8:** Huỷ bỏ một Tín dụng

**Điều 9:** Trách nhiệm của các ngân hàng phát hành và xác nhận

**Điều 10:** Các loại Tín dụng

**Điều 11:** Tín dụng chuyển bằng điện và thông báo sơ bộ

**Điều 12:** Các chỉ thị không đầy đủ và không rõ ràng

### **C- NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM**

**Điều 13:** Tiêu chuẩn cho việc kiểm tra các chứng từ

**Điều 14:** Các chứng từ không phù hợp và thông báo

**Điều 15:** Sự miễn trách về hiệu lực của các chứng từ

**Điều 16:** Sự miễn trách về chuyển giao thư từ

**Điều 17:** Bất khả kháng

**Điều 18:** Sự miễn trách về các hành động của một bên ra chỉ thị

**Điều 19:** Thoả thuận hoàn trả giữa các ngân hàng

### **D- CÁC CHỨNG TỪ**

**Điều 20:** Quy định mơ hồ về các người lập các chứng từ

**Điều 21:** Không quy định người lập và nội dung của các chứng từ

**Điều 22:** Ngày phát hành chứng từ và ngày tín dụng

**Điều 23:** Vận đơn đường biển / hàng hải

**Điều 24:** Giấy gửi hàng đường biển không chuyển nhượng được

**Điều 25:** Vận đơn hợp đồng thuê tàu

**Điều 26:** Chứng từ vận tải liên hợp

**Điều 27:** Chứng từ vận tải hàng không

**Điều 28:** Các chứng từ vận tải đường sông hoặc đường bộ , đường sắt

**Điều 29:** Biên lai bưu điện

**Điều 30:** Chứng từ vận tải do Người Giao nhận phát hành

**Điều 31:** "Trên boong", "Người giữ hàng bốc và đếm", Tên của người gửi hàng

**Điều 32:** Chứng từ vận tải hoàn hảo

**Điều 33:** Chứng từ vận tải ghi cước có thể trả/trả trước

**Điều 34:** Các chứng từ bảo hiểm

**Điều 35:** Loại bảo hiểm

**Điều 36:** Bảo hiểm rủi ro

**Điều 37:** Hoá đơn thương mại

**Điều 38:** Các chứng từ khác

## **E- CÁC ĐIỀU QUY ĐỊNH KHÁC**

**Điều 39:** Dung sai về số tiền, số lượng và đơn giá trong Tín dụng

**Điều 40:** Trả tiền /Giao hàng từng phần

**Điều 41:** Trả tiền/Giao hàng nhiều lần

**Điều 42:** Ngày hết hạn và nơi xuất trình các chứng từ

**Điều 43:** Giới hạn về ngày hết hạn

**Điều 44:** Gia hạn của ngày hết hạn

**Điều 45:** Giờ xuất trình

**Điều 46:** Các từ chung về Ngày giao hàng

**Điều 47:** Các từ về ngày dùng cho thời hạn giao hàng

## **F- TÍN DỤNG CHUYỂN NHƯỢNG**

**Điều 48:** Tín dụng chuyển nhượng

## **G- CHUYỂN NHƯỢNG TIỀN THU ĐƯỢC**

**Điều 49:** Chuyển nhượng tiền thu được

# NỘI DUNG

## A- NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VÀ ĐỊNH NGHĨA

### ĐIỀU 1

#### Áp dụng UCP

Các quy tắc và cách Thực hành thống nhất về tín dụng chứng từ, bản sửa đổi năm 1993, Phòng Thương mại quốc tế, xuất bản số 500 sẽ áp dụng cho tất cả các tín dụng chứng từ (bao gồm cả thư Tín dụng dự phòng trong chừng mực mà các điều khoản này có thể áp dụng được) khi mà các điều khoản này sẽ là những bộ phận cấu thành của Tín dụng. Các điều khoản này ràng buộc tất cả các bên tham gia trừ khi có sự quy định khác rõ ràng trong tín dụng.

### ĐIỀU 2

#### Định nghĩa tín dụng

Nhằm phục vụ mục đích các điều khoản này, những thuật ngữ "Tín dụng chứng từ" và "Thư Tín dụng dự phòng" (dưới đây gọi là Tín dụng) có nghĩa là bất cứ một sự thoả thuận nào, dù cho được gọi hoặc mô tả như thế nào, mà theo đó một Ngân hàng (Ngân hàng phát hành) hành động theo yêu cầu và theo chỉ thị của một khách hàng (Người yêu cầu phát hành tín dụng) hoặc nhân danh chính mình.

i. phải tiến hành việc trả tiền hoặc trả tiền theo lệnh của một người thứ ba (Người hưởng lợi) hoặc phải chấp nhận và trả tiền các hối phiếu do người hưởng lợi ký phát,

hoặc

ii. uỷ quyền cho một ngân hàng khác tiến hành thanh toán như thế hoặc chấp nhận và trả tiền các hối phiếu như thế

hoặc

iii. uỷ quyền cho một ngân hàng khác chiết khấu khi (các) chứng từ quy định được xuất trình với điều kiện là các điều kiện của Tín dụng được thực hiện đúng.

Để thực hiện các mục đích ở các điều khoản này, các chi nhánh của một Ngân hàng ở các nước khác nhau được coi là Ngân hàng khác.

### **ĐIỀU 3**

#### **Tín dụng và Hợp đồng**

a. Về bản chất Tín dụng chứng từ là những giao dịch riêng biệt với các hợp đồng mua bán hoặc các hợp đồng khác mà các hợp đồng này có thể làm cơ sở của Tín dụng và các ngân hàng không bị liên can đến hoặc bị ràng buộc vào các hợp đồng như thế thậm chí ngay cả trong Tín dụng có bất cứ sự dẫn chiếu nào đến các hợp đồng đó. Do đó sự cam kết của một ngân hàng để trả tiền chấp nhận và trả các hối phiếu hoặc chiết khấu và/ hoặc thực hiện bất cứ một nghĩa vụ nào khác của mình quy định trong Tín dụng không bị ràng buộc bởi các khiếu nại hoặc sự bảo vệ nào của người xin mở Tín dụng phát sinh từ quan hệ của họ với ngân hàng phát hành hoặc với người hưởng lợi.

b. Trong bất cứ trường hợp nào, Người hưởng lợi không được lợi dụng quan hệ hợp đồng giữa các ngân hàng hoặc giữa người yêu cầu mở Tín dụng và Ngân hàng phát hành.

### **ĐIỀU 4**

#### **Chứng từ và hàng hoá/dịch vụ, các thực hiện**

Trong các nghiệp vụ Tín dụng chứng từ, tất cả các bên hữu quan chỉ giao dịch căn cứ vào chứng từ chứ không căn cứ vào hàng hoá/dịch vụ và/hoặc các giao dịch khác mà các chứng từ có thể liên quan đến.

## **ĐIỀU 5**

### **Lệnh phát hành/sửa đổi Tín dụng**

**a.** Những chỉ thị phát hành một Tín dụng, bản thân các thư Tín dụng, những chỉ thị sửa đổi thư Tín dụng và bản thân sự sửa đổi phải hoàn toàn đầy đủ và chính xác. Để đề phòng sự lẫn lộn và hiểu nhầm, các ngân hàng phải ngăn chặn bất cứ mọi khuynh hướng:

**i.** Đưa quá nhiều chi tiết vào Tín dụng và vào các sửa đổi Tín dụng

**ii.** Đưa ra các chỉ thị để phát hành, thông báo hoặc xác nhận một Tín dụng bằng cách tham chiếu vào một Tín dụng đã phát hành trước đó (Tín dụng tương tự) khi mà Tín dụng đó đã được chấp nhận sửa đổi và/hoặc chưa được chấp nhận sửa đổi.

**b.** Tất cả các chỉ thị phát hành Tín dụng và bản thân Tín dụng, tất cả các chỉ thị sửa đổi Tín dụng và bản thân sự sửa đổi phải tuyên bố một cách chính xác các chứng từ dùng để thanh toán, chấp nhận hoặc chiết khấu.

## **B- HÌNH THỨC VÀ THÔNG BÁO TÍN DỤNG**

### **ĐIỀU 6**

#### **Tín dụng có thể huỷ bỏ và không thể huỷ bỏ**

**a.** Một Tín dụng có thể là

**i.** có thể huỷ bỏ

hoặc

## ii. không thể huỷ bỏ

**b.** Do vậy, Tín dụng phải ghi rõ rằng hoặc là không thể huỷ bỏ, hoặc có thể huỷ bỏ.

**c.** Một Tín dụng không ghi rõ thuộc loại nào, thì Tín dụng đó được coi là không thể huỷ bỏ.

## ĐIỀU 7

### Trách nhiệm của ngân hàng thông báo

**a.** Một Tín dụng có thể được thông báo cho người hưởng lợi thông qua một ngân hàng khác (Ngân hàng thông báo) mà không có sự cam kết gì về phía Ngân hàng thông báo, nhưng Ngân hàng thông báo nếu đồng ý thông báo Tín dụng, thì phải kiểm tra với sự cẩn thận thích đáng tính chân thật bề ngoài của Tín dụng mà mình thông báo. Nếu Ngân hàng từ chối thông báo Tín dụng thì phải thông báo ngay cho Ngân hàng phát hành.

**b.** Nếu Ngân hàng thông báo không có thể xác minh được tính chân thật bề ngoài của Tín dụng mà mình phải thông báo, thì Ngân hàng không được chậm trễ phải thông báo cho Ngân hàng mà các chỉ thị đã nhận từ ngân hàng đó biết rằng nó không có khả năng xác minh được tính chất chân thật bề ngoài của Tín dụng và tuy nhiên nếu nó đồng ý thông báo Tín dụng thì phải thông báo cho Người hưởng lợi rằng nó không thể xác minh được tính chất chân thật của Tín dụng.

## ĐIỀU 8

### Huỷ bỏ một Tín dụng

**a.** Một Tín dụng có thể huỷ bỏ có thể bị Ngân hàng phát hành sửa đổi hay huỷ bỏ vào bất cứ lúc nào mà không cần báo trước cho người hưởng lợi.

**b.** Tuy nhiên, Ngân hàng phát hành phải:



i. hoàn lại cho Ngân hàng khác mà tại đó một Tín dụng có thể huỷ bỏ đã được trả tiền ngay, chấp nhận hoặc chiết khấu mọi khoản tiền đã trả, đã chấp nhận hoặc chiết khấu mà Ngân hàng đó trước khi nhận được lệnh sửa đổi và huỷ bỏ Tín dụng đã tiến hành, khi các chứng từ được xuất trình thể hiện trên bề mặt của chúng phù hợp với các điều kiện của Tín dụng.

ii. hoàn lại cho Ngân hàng khác mà tại đó Tín dụng có thể huỷ bỏ đã được trả tiền sau nếu ngân hàng này nhận các chứng từ được xuất trình nhìn bề ngoài phù hợp với các điều kiện Tín dụng trước khi nhận được thông báo sửa đổi hoặc huỷ bỏ Tín dụng đó.

## **ĐIỀU 9**

### **Trách nhiệm của ngân hàng phát hành và xác nhận**

a. Một Tín dụng không thể huỷ bỏ là một sự cam kết chắc chắn của Ngân hàng phát hành, với điều kiện là các chứng từ quy định được xuất trình cho Ngân hàng chỉ định hoặc cho Ngân hàng phát hành và phải phù hợp với các điều kiện của Tín dụng.

i. Nếu Tín dụng quy định trả tiền ngay thì phải trả tiền ngay;

ii. Nếu Tín dụng quy định trả tiền sau thì phải trả tiền vào ngày đúng hạn quy định trong Tín dụng

iii. Nếu Tín dụng quy định phải chấp nhận

a. bởi Ngân hàng phát hành thì phải chấp nhận trả tiền (các) hối phiếu do người hưởng lợi ký phát đòi tiền Ngân hàng phát hành và phải trả tiền khi (các) hối phiếu đó đến hạn.

hoặc

b. bởi Ngân hàng trả tiền khác thì phải chấp nhận và trả tiền các hối phiếu đến hạn do Người hưởng lợi ký phát đòi tiền Ngân hàng phát hành, trong trường hợp Ngân hàng trả tiền quy định trong Tín dụng từ chối chấp nhận hối phiếu ký phát đòi tiền nó hoặc không trả tiền hối phiếu mà nó đã chấp nhận khi hối phiếu đến hạn.

**iv.** Nếu Tín dụng quy định chiết khấu thì phải trả tiền miễn truy đòi người ký phát hối phiếu và/hoặc người chận thực nắm hối phiếu trong tay những hối phiếu do người hưởng lợi ký phát và/hoặc (các) chứng từ được xuất trình theo điều kiện của Tín dụng. Một Tín dụng sẽ không được phát hành trong đó quy định hối phiếu ký phát đòi tiền người yêu cầu mở Tín dụng. Ngược lại, nếu Tín dụng quy định hối phiếu ký phát đòi tiền người yêu cầu mở Tín dụng thì các ngân hàng sẽ coi các hối phiếu đó như là một chứng từ phụ.

**b.** Sự xác nhận một Tín dụng không thể huỷ bỏ của một ngân hàng khác (Ngân hàng xác nhận) theo yêu cầu hoặc theo sự uỷ nhiệm của Ngân hàng phát hành là một sự cam kết chắc chắn của Ngân hàng xác nhận, ngoài sự cam kết của Ngân hàng phát hành, miễn là các chứng từ quy định được xuất trình cho ngân hàng xác nhận hoặc bất cứ một Ngân hàng chỉ định nào và phải phù hợp với các điều kiện quy định trong Tín dụng.

**i.** Nếu Tín dụng quy định trả tiền ngay thì phải trả tiền ngay

**ii.** Nếu Tín dụng quy định trả tiền sau thì phải trả tiền đúng hạn như quy định trong Tín dụng.

**iii.** Nếu Tín dụng quy định chấp nhận:

**a.** bởi ngân hàng xác nhận thì phải chấp nhận (các) hối phiếu do Người hưởng lợi ký phát đòi tiền Ngân hàng xác nhận và trả tiền khi hối phiếu đó đến hạn.

hoặc

**b.** bởi Ngân hàng trả tiền khác thì phải chấp nhận và trả tiền hối phiếu do Người hưởng lợi ký phát đòi tiền Ngân hàng xác nhận trong trường hợp Ngân hàng trả tiền quy định trong Tín dụng từ chối chấp nhận (các) hối phiếu đòi tiền hoặc phải trả tiền các hối phiếu đã được nó chấp nhận nhưng không trả tiền khi hối phiếu đến hạn trả tiền.

**iv.** Nếu Tín dụng quy định chiết khấu thì phải chiết khấu (các) hối phiếu do Người hưởng lợi ký phát và hoặc (các) chứng từ được xuất trình theo Tín dụng với điều kiện miễn truy đòi lại người ký phát hối phiếu và/hoặc những người chận thực nắm hối phiếu. Một Tín dụng không được quy định hối phiếu ký phát

đòi tiền người yêu cầu mở Tín dụng thì các ngân hàng sẽ coi các hối phiếu đó như là (các) chứng từ phụ.

**c. i.** Nếu một ngân hàng khác được một Ngân hàng phát hành yêu cầu hoặc uỷ nhiệm xác nhận một Tín dụng mà không sẵn sàng làm việc đó thì phải thông báo ngay cho Ngân hàng phát hành biết.

**ii.** Trừ khi Ngân hàng phát hành qui định một cách khác trong uỷ nhiệm hoặc yêu cầu xác nhận Tín dụng, Ngân hàng thông báo có thể thông báo Tín dụng cho Người hưởng lợi mà không cần ghi thêm xác nhận của mình vào Tín dụng.

**d. i.** Trừ khi có sự quy định ngược lại với điều 48, một Tín dụng có thể huỷ bỏ không những không sửa đổi được mà còn không được huỷ bỏ nếu không có sự đồng ý của Ngân hàng phát hành, Ngân hàng xác nhận (nếu có) và của Người hưởng lợi.

**ii.** Ngân hàng phát hành sẽ bị ràng buộc vào các điều kiện sửa đổi Tín dụng tính từ ngày sửa đổi Tín dụng đó.

Một Ngân hàng xác nhận có thể xác nhận một sửa đổi và bị ràng buộc tính từ ngày thông báo sự sửa đổi đó. Tuy nhiên, Ngân hàng xác nhận có thể thông báo một sửa đổi cho Người hưởng lợi mà không phải xác nhận sửa đổi đó và nếu như thế, nó phải thông báo cho Ngân hàng phát hành và Người hưởng lợi một cách không chậm trễ.

**iii.** Các điều kiện của một Tín dụng gốc (hoặc một Tín dụng cấu thành từ sự sửa đổi đã được chấp nhận trước đó) vẫn có hiệu lực với người hưởng lợi cho đến khi Người hưởng lợi thông báo sự chấp nhận của mình đối với sửa đổi đó đến Ngân hàng đã thông báo sự sửa đổi đó. Người hưởng lợi phải thông báo sự chấp nhận hoặc từ chối sự sửa đổi đó. Nếu người hưởng lợi không thông báo như vậy thì việc xuất trình đến Ngân hàng chỉ định hoặc Ngân hàng phát hành các chứng từ mà phù hợp với Tín dụng và các sửa đổi chưa được chấp nhận thì sẽ được coi là thông báo chấp nhận sửa đổi của Người hưởng lợi và thời điểm sửa đổi tính từ khi Tín dụng được sửa đổi.

## **ĐIỀU 10**

## Các loại Tín dụng

**a.** Tất cả Tín dụng phải chỉ rõ hoặc là trả tiền ngay, hoặc là trả tiền sau, hoặc chấp nhận hoặc là chiết khấu.

**b. i.** Trừ khi Tín dụng quy định chỉ được thực hiện tại Ngân hàng phát hành, tất cả các Tín dụng phải chỉ định Ngân hàng (Ngân hàng được chỉ định) được uỷ quyền trả tiền, cam kết trả tiền sau, chấp nhận hối phiếu hoặc chiết khấu. Đối với Tín dụng chiết khấu tự do, thì bất cứ Ngân hàng nào cùng có thể là Ngân hàng được chỉ định.

Chứng từ phải được xuất trình cho Ngân hàng phát hành hoặc Ngân hàng xác nhận (nếu có) hoặc bất cứ Ngân hàng chỉ định nào khác.

**ii.** Chiết khấu có nghĩa là định giá và trả tiền hối phiếu và/hoặc chứng từ bởi một Ngân hàng được uỷ quyền thực hiện. Việc kiểm tra đơn thuần các chứng từ mà không có định giá trị và trả tiền hối phiếu hay chứng từ thì không coi là chiết khấu.

**c.** Trừ khi Ngân hàng được chỉ định là Ngân hàng xác nhận, thì việc chỉ định của Ngân hàng phát hành không tạo nên bất cứ một sự cam kết nào của Ngân hàng được chỉ định phải trả tiền, cam kết trả tiền sau, chấp nhận hối phiếu hoặc chiết khấu. Trừ khi đã có sự đồng ý rõ ràng của Ngân hàng được chỉ định và đã truyền đạt điều đó cho Người hưởng lợi, thì việc Ngân hàng chỉ định tiếp nhận, và/hoặc kiểm tra, và/hoặc chuyển chứng từ không làm cho Ngân hàng đó phải chịu trách nhiệm trả tiền, cam kết trả tiền sau, chấp nhận hối phiếu hoặc chiết khấu.

**d.** Khi Ngân hàng phát hành chỉ định một Ngân hàng, hoặc cho phép Tín dụng được chiết khấu bởi bất kỳ Ngân hàng nào hoặc khi cho phép hay yêu cầu một Ngân hàng khác ghi thêm sự xác nhận vào Tín dụng, thì có nghĩa là Ngân hàng phát hành cho phép Ngân hàng đó trả tiền, chấp nhận (các) hối phiếu hoặc chiết khấu, tùy trường hợp, khi xuất trình các chứng từ thể hiện trên bề mặt của chúng là phù hợp với các yêu cầu của Tín dụng và cam kết hoàn tiền lại cho Ngân hàng đó theo đúng các quy định của điều khoản này.

## **ĐIỀU 11**

### **Tín dụng chuyển bằng điện và thông báo sơ bộ**

**a. i.** Khi một Ngân hàng phát hành chỉ thị bằng điện chuyển cho Ngân hàng thông báo để thông báo một Tín dụng hoặc sửa đổi một Tín dụng thì bức điện chuyển này sẽ được coi như là một văn bản thực hiện Tín dụng hoặc một văn bản thực hiện sửa đổi và không cần phải có xác nhận bằng văn bản gửi đến bằng thư. Ngược lại, nếu văn bản xác nhận gửi đến, nó sẽ không có giá trị và Ngân hàng thông báo sẽ không có trách nhiệm kiểm tra các văn bản xác nhận đó so với các văn bản Tín dụng và văn bản sửa đổi Tín dụng gửi qua con đường điện tín.

**ii.** Nếu điện chuyển ghi rõ "các chi tiết đầy đủ gửi sau" (hay một từ tương tự) hoặc thư xác nhận sẽ là văn bản thực hiện Tín dụng hoặc văn bản thực hiện sửa đổi, thì điện chuyển sẽ không được xem là văn bản thực hiện Tín dụng hay văn bản thực hiện sửa đổi. Ngân hàng phát hành phải gửi ngay không chậm trễ văn bản thực hiện Tín dụng hoặc văn bản thực hiện sửa đổi cho Ngân hàng thông báo.

**b.** Nếu một Ngân hàng sử dụng dịch vụ của một Ngân hàng thông báo để thông báo Tín dụng cho Người hưởng lợi, thì cũng phải sử dụng dịch vụ của Ngân hàng này trong việc thông báo sửa đổi Tín dụng.

**c.** Thông báo sơ bộ việc phát hành hoặc sửa đổi Tín dụng không thể huỷ bỏ sẽ chỉ do Ngân hàng phát hành thực hiện, nếu như Ngân hàng đó tiến hành phát hành văn bản thực hiện Tín dụng hoặc văn bản thực hiện sửa đổi. trừ khi có sự quy định khác trong thông báo sơ bộ, Ngân hàng phát hành tiến hành thông báo sơ bộ như thế sẽ phải phát hành hoặc sửa đổi Tín dụng không chậm trễ với điều kiện không làm trái với thông báo sơ bộ đó.

## **ĐIỀU 12**

### **Các chỉ thị không đầy đủ hoặc không rõ ràng**

Nếu nhận được những chỉ thị không đầy đủ hoặc không rõ ràng để thông báo, xác nhận hoặc sửa đổi Tín dụng, thì Ngân hàng nhận được các chỉ thị như thế có thể thông báo sơ bộ cho Người được hưởng lợi chỉ để biết mà không chịu

trách nhiệm gì. Thông báo sơ bộ này phải được nói rõ nó chỉ có tác dụng là một thông báo đơn thuần và Ngân hàng thông báo không chịu trách nhiệm. Trong bất cứ trường hợp nào, Ngân hàng thông báo phải thông báo cho Ngân hàng phát hành biết sự việc đó và yêu cầu nó cung cấp các thông tin cần thiết.

Ngân hàng phát hành phải cung cấp thông tin cần thiết không chậm trễ. Tín dụng sẽ được thông báo, xác nhận hoặc sửa đổi chỉ khi nào nhận được chỉ thị rõ ràng và đầy đủ và nếu Ngân hàng thông báo đã sẵn sàng hành động theo các chỉ thị

## **C- NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM**

### **ĐIỀU 13**

#### **Tiêu chuẩn cho việc kiểm tra chứng từ**

**a.** Các Ngân hàng phải kiểm tra tất cả các chứng từ quy định trong Tín dụng với sự cẩn thận hợp lý để xác minh chứng từ có hay không có thể hiện ngay trên bề mặt của chúng là phù hợp với điều kiện của Tín dụng. Sự phù hợp với các điều kiện của Tín dụng thể hiện trên bề mặt của các chứng từ quy định sẽ được quyết định bởi các tiêu chuẩn quốc tế của thực tiễn Ngân hàng đã được phản ánh trong các điều khoản này. Các chứng từ thể hiện trên bề mặt của chúng mâu thuẫn với nhau sẽ được coi như là trên bề mặt của chúng là không phù hợp với các điều kiện của Tín dụng.

Các Ngân hàng sẽ không kiểm tra các chứng từ không được quy định trong Tín dụng. Nếu các Ngân hàng nhận được các chứng từ như thế thì họ sẽ trả lại cho người xuất trình hoặc cho qua không cần xét đến mà không chịu trách nhiệm gì.

**b.** Ngân hàng phát hành, Ngân hàng xác nhận (nếu có) hoặc một Ngân hàng được chỉ định hành động nhân danh các Ngân hàng đó sẽ có thời gian hợp lý cho mỗi Ngân hàng không quá 7 ngày làm việc của ngân hàng kể từ ngày tiếp theo ngày nhận chứng từ để kiểm tra chứng từ và quyết định hoặc là tiếp nhận hoặc là từ chối chứng từ và thông báo cho người gửi chứng từ biết được quyết định đó.

c. Nếu Tín dụng có những điều kiện mà không quy định chứng từ phải xuất trình phù hợp với nó thì Ngân hàng sẽ coi các điều kiện đó không được quy định và sẽ không xem xét các chứng từ đó

## **ĐIỀU 14**

### **Các chứng từ không phù hợp và thông báo**

a. Khi Ngân hàng phát hành uỷ quyền cho Ngân hàng khác trả tiền, cam kết trả tiền sau, chấp nhận (các) hối phiếu hoặc chiết khấu khi chứng từ xuất trình xét về bề ngoài phù hợp với các Tín dụng, thì Ngân hàng phát hành, Ngân hàng xác nhận (nếu có) có trách nhiệm

i. hoàn trả tiền lại cho Ngân hàng chỉ định đã trả tiền, chấp nhận (các) hối phiếu, cam kết trả tiền sau hoặc chiết khấu.

ii. tiếp nhận chứng từ.

b. Khi nhận chứng từ. Ngân hàng phát hành và hoặc Ngân hàng xác nhận (nếu có) hoặc một Ngân hàng chỉ định hoạt động nhân danh các ngân hàng đó phải quyết định trên cơ sở bản thân chứng từ là các chứng từ đó thể hiện trên bề mặt của chúng phù hợp với các điều kiện của Tín dụng hay không. Nếu các chứng từ xét bề ngoài của nó là không phù hợp với các điều kiện của Tín dụng các Ngân hàng có thể từ chối tiếp nhận các chứng từ.

c. Nếu Ngân hàng phát hành quyết định rằng các chứng từ xét về bề ngoài của chúng là không phù hợp với Tín dụng. Ngân hàng có thể tự mình quyết định thăm dò ý kiến riêng của Người yêu cầu mở Tín dụng không tính đến các sai sót đó. Tuy nhiên, việc này không thể kéo dài thời gian kiểm tra chứng từ nói ở điều 13b.

d. i. Nếu Ngân hàng phát hành và/hoặc Ngân hàng xác nhận (nếu có) hoặc một Ngân hàng được chỉ định hoạt động nhân danh các ngân hàng có quyết định từ chối chứng từ, thì phải thông báo không chậm trễ bằng điện, bằng phương tiện truyền tin nhanh nhất nhưng không được chậm quá 7 ngày làm việc của Ngân hàng kể từ ngày chứng từ chuyển đến. Thông báo đó phải được gửi tới Ngân

hàng nhận chuyển chứng từ hoặc do Người hưởng lợi nếu những ngân hàng đó nhận chứng từ trực tiếp từ người hưởng lợi.

ii. Việc thông báo như thế phải nói rõ tất cả những điểm không phù hợp mà do đó ngân hàng phát hành từ chối chứng từ và nói rõ là Ngân hàng đang lưu giữ chứng từ để chờ giải quyết hoặc đang chuyển lại cho người xuất trình.

iii. Ngân hàng phát hành và/hoặc Ngân hàng xác nhận (nếu có) sẽ có quyền yêu cầu Ngân hàng chuyển chứng từ hoàn lại cho mình các khoản tiền kèm với lãi suất mà Ngân hàng phát hành hoặc xác nhận đã trả cho Ngân hàng chuyển.

e. Nếu Ngân hàng phát hành và /hoặc Ngân hàng xác nhận (nếu có) không hành động đúng với các điều quy định của điều khoản này và/hoặc không giữ chứng từ lại để chờ người xuất trình định đoạt hoặc không chuyển trả chứng từ lại cho người xuất trình thì Ngân hàng phát hành và/hoặc Ngân hàng xác nhận (nếu có) sẽ mất quyền khiếu nại về chứng từ không phù hợp với các điều kiện của Tín dụng.

f. Nếu Ngân hàng chuyển chứng từ lưu ý Ngân hàng phát hành và/hoặc Ngân hàng xác nhận (nếu có) về những điểm không phù hợp trong các chứng từ hoặc thông báo cho các ngân hàng ấy rằng mình đã trả tiền, cam kết trả tiền về sau, chấp nhận (các) hối phiếu hoặc chiết khấu có bảo lưu hoặc có thư bảo đảm về những điểm không phù hợp đó, thì Ngân hàng phát hành và/hoặc Ngân hàng xác nhận (nếu có) không phải vì thế mà được miễn bất cứ nghĩa vụ nào của mình theo bất cứ quy định nào trong điều khoản này. Sự bảo lưu và bảo đảm đó chỉ có liên quan đến mối quan hệ giữa Ngân hàng chuyển chứng từ và người được bảo lưu hoặc với người đứng ra hoặc được người khác thay mình đứng ra bảo đảm.

## **ĐIỀU 15**

### **Sự miễn trách về hiệu lực của các chứng từ**

Các ngân hàng không chịu trách nhiệm về hình thức, sự hoàn bi, tính chính xác, tính chân thực, sự giả mạo hoặc hiệu lực pháp lý của bất cứ chứng từ nào hoặc về những điều kiện chung và hoặc riêng được quy định trong các chứng từ hoặc ghi thêm vào các chứng từ đó; hoặc các Ngân hàng cũng không chịu trách nhiệm về tên hàng, số lượng, trọng lượng, chất lượng, trạng thái, bao bì, việc



giao hàng, giá trị hoặc sự hiện hữu của hàng hoá mà bất cứ chứng từ nào đại diện hoặc về thiện chí hoặc các hành vi và/hoặc thiếu sót, khả năng thanh toán, sự thực hiện nghĩa vụ hoặc tín nhiệm của những người gửi hàng, những người chuyên chở, những người giao nhận, những người nhận hàng hoặc những người bảo hiểm hàng hoá hoặc của bất cứ người nào khác.

## **ĐIỀU 16**

### **Sự miễn trách về chuyển giao thư từ**

Các ngân hàng không chịu trách nhiệm về những hậu quả phát sinh từ sự chậm trễ và/hoặc mất mát thư từ hoặc chứng từ trên đường đi hoặc về sự chậm trễ, cắt xén hoặc các sai sót khác phát sinh trong quá trình chuyển điện tín. Các ngân hàng không chịu trách nhiệm đối với các sai sót trong việc dịch và/hoặc giải thích các thuật ngữ và dành quyền chuyển nguyên văn mà không dịch các điều khoản của Tín dụng.

## **ĐIỀU 17**

### **Bất khả kháng**

Các ngân hàng không chịu trách nhiệm về những hậu quả phát sinh do hoạt động kinh doanh của mình bị gián đoạn vì thiên tai, rối loạn, dân biến, nổi dậy, chiến tranh hay vì bất cứ nguyên nhân nào khác ngoài khả năng kiểm soát của mình hoặc vì đình công hay bế xưởng. Trừ phi được phép rõ ràng trong trường hợp Tín dụng hết hiệu lực giữa lúc kinh doanh của ngân hàng bị gián đoạn như trên, các ngân hàng sẽ không trả tiền, không cam kết trả tiền sau, không chấp nhận hối phiếu hoặc không chiết khấu khi các Ngân hàng bắt đầu hoạt động trở lại.

## **ĐIỀU 18**

### **Sự miễn trách về các hành động của một bên ra chỉ thị**

a. Khi sử dụng các dịch vụ của một ngân hàng hay nhiều ngân hàng khác để thực hiện chỉ thị của người yêu cầu mở Tín dụng, các ngân hàng làm việc đó với chi phí và rủi ro do người yêu cầu mở Tín dụng gánh chịu.

**b.** Các ngân hàng không chịu trách nhiệm nếu các chỉ thị mà họ truyền đạt không được thực hiện, ngay cả khi bản thân họ chủ động lựa chọn các ngân hàng khác đó.

**c. i.** Khi một bên chỉ thị cho một bên khác thực hiện các dịch vụ thì họ phải gánh chịu mọi chi phí, bao gồm phí hoa hồng, lệ phí, thủ tục phí hoặc các chi phí mà bên được chỉ thị đã gánh chịu liên quan tới các chỉ thị đó của mình.

**ii.** Khi một Tín dụng quy định rằng các chi phí như thế do một bên khác không phải bên ra chỉ thị gánh chịu và các bên chi phí không có thể thu hồi được, thì bên ra chỉ thị vẫn chịu trách nhiệm thanh toán cuối cùng.

**d.** Người yêu cầu mở Tín dụng bị ràng buộc với mọi nghĩa vụ và trách nhiệm đền bù cho các Ngân hàng theo luật pháp và tập quán nước ngoài quy định.

## **ĐIỀU 19**

### **Thoả thuận hoàn trả giữa các ngân hàng**

**a.** Nếu Ngân hàng phát hành có ý định rằng số tiền hoàn trả mà Ngân hàng trả tiền, Ngân hàng chấp nhận, hoặc Ngân hàng chiết khấu được hưởng sẽ do (Ngân hàng đòi tiền) đòi lại ở một ngân hàng khác (Ngân hàng hoàn trả) thì Ngân hàng phát hành phải kịp thời có chỉ thị hoặc uỷ nhiệm thích hợp cho Ngân hàng hoàn trả đó để thanh toán các yêu cầu hoàn trả đó.

**b.** Các Ngân hàng phát hành không có quyền yêu cầu Ngân hàng đòi tiền phải cung cấp cho Ngân hàng hoàn trả một giấy chứng nhận về sự phù hợp với các điều kiện của Tín dụng.

**c.** Ngân hàng phát hành không được miễn bất kỳ nghĩa vụ nào của mình để hoàn trả tiền nếu và khi Ngân hàng đòi tiền không nhận được số tiền hoàn trả từ Ngân hàng hoàn trả.

**d.** Ngân hàng phát hành phải chịu trách nhiệm đối với Ngân hàng đòi tiền mọi thiệt hại về tiền lãi nếu việc hoàn trả tiền của Ngân hàng hoàn trả không thực

hiện được ngay từ lần yêu cầu hoàn trả đầu tiên hoặc theo bất cứ cách qui định nào khác trong Tín dụng hoặc tùy trường hợp do hai bên thỏa thuận.

**e.** Phí của Ngân hàng hoàn trả sẽ tính vào Ngân hàng phát hành. Tuy nhiên, trong trường hợp các phí tính vào các Ngân hàng khác, thì Ngân hàng phát hành phải chỉ định rõ trong Tín dụng gốc và trong uỷ nhiệm hoàn trả tiền. Trong trường hợp mà các chi phí của Ngân hàng hoàn trả tính vào các Ngân hàng khác thì các chi phí này sẽ được thu lại từ Ngân hàng đòi tiền nếu Tín dụng quy định đòi tiền ngân hàng đó. Trong trường hợp mà Tín dụng không qui định đòi tiền Ngân hàng trả tiền thì Ngân hàng phát hành có nghĩa vụ trả chi phí của Ngân hàng hoàn trả.

## **D- CÁC CHỨNG TỪ**

### **ĐIỀU 20**

#### **Quy định mơ hồ về những người lập chứng từ**

**a.** Những từ như "hạng nhất", "nổi tiếng", "đủ tư cách", "độc lập", "chính thức", "có thẩm quyền", "địa phương" và những từ tương tự sẽ không được sử dụng để chỉ tư cách của người lập các chứng từ được xuất trình theo Tín dụng. Nếu những chứng từ đó được đưa vào Tín dụng thì các Ngân hàng sẽ chấp nhận các chứng từ đó theo như đã xuất trình, miễn là các chứng từ thể hiện trên bề mặt của chúng là phù hợp với các điều kiện của Tín dụng và không phải do người hưởng lợi phát hành.

**b.** Trừ khi có quy định khác trong Tín dụng, các Ngân hàng cũng sẽ chấp nhận là (các) chứng từ chính những chứng từ được lập hoặc thể hiện là được lập:

**i.** bằng phương pháp sao chụp, hệ thống máy tính hoặc tự động hoá;

**ii.** bằng bản than miễn là được ghi chú là bản chính và khi cần thiết thể hiện là đã được ký

Chứng từ có thể được ký bằng tay, ký qua FAX, bằng đục lỗ, bằng con dấu, bằng ký hiệu hoặc bằng bất cứ một phương pháp máy móc hoặc điện tử chân thực nào khác.

**c. i.** Trừ khi có quy định khác trong Tín dụng, các Ngân hàng sẽ chấp nhận như các bản sao, những chứng từ dịch lại có đóng dấu, copy không ghi chú là bản chính. Các bản sao không cần thiết phải ký tên.

**ii.** Các tín dụng yêu cầu nhiều bản như "hai bản", "hai xấp", "hai bản sao" và những từ tương tự thì có thể xuất trình một bản chính, còn số bản còn lại là bản sao, trừ khi bản thân chứng từ thể hiện khác

**b.** Trừ khi có sự quy định khác trong tín dụng, quy định của Tín dụng rằng chứng từ phải được nhận thực, có hiệu lực, được thị thực, được chứng thực hay một qui định tương tự sẽ được thoả mãn bởi bất kỳ chữ ký, ký hiệu, đóng dấu nào lên các chứng từ đó miễn là xét trên bề mặt, chúng thể hiện là đáp ứng với các điều kiện nói trên.

## **ĐIỀU 21**

### **Không quy định người lập và nội dung của các chứng từ**

Trừ các chứng từ vận tải, bảo hiểm và hoá đơn thương mại, khi các chứng từ được yêu cầu xuất trình thì Tín dụng phải nêu rõ các chứng từ đó do ai lập và nội dung số liệu của các chứng từ đó. Nếu Tín dụng không quy định như vậy, các Ngân hàng sẽ chấp nhận các chứng từ như đã xuất trình, miễn là nội dung số liệu không mâu thuẫn nhau.

## **ĐIỀU 22**

### **Ngày phát hành chứng từ và Ngày tín dụng**

Trừ khi có sự quy định khác trong Tín dụng, các Ngân hàng sẽ chấp nhận một chứng từ có ghi ngày phát hành nó trước ngày mở Tín dụng miễn là các chứng từ đó phải được xuất trình trong thời hạn được quy định trong Tín dụng và trong các điều khoản này.

## **ĐIỀU 23**

### **Vận tải đơn đường biển/ Hàng hải**

**a.** Trừ khi có sự quy định khác trong Tín dụng, nếu một tín dụng yêu cầu một vận tải đơn từ cảng tới cảng, các Ngân hàng sẽ chấp nhận một chứng từ dù được gọi tên như thế nào, mà :

**i.** Trên bề mặt của vận đơn ghi rõ tên của người chuyên chở và đã ký tên hoặc được chứng thực

- bởi người chuyên chở hoặc người đại lý đích danh hoặc đại diện của người chuyên chở, hoặc
- bởi thuyền trưởng hoặc một người đại lý đích danh hoặc đại diện của thuyền trưởng.

Bất cứ chữ ký hay chứng thực nào của người chuyên chở hoặc thuyền trưởng phải được nhận biết họ đích thực là người chuyên chở hoặc thuyền trưởng. Tuy từng trường hợp một người đại lý ký tên hoặc chứng thực cho người chuyên chở hoặc thuyền trưởng cũng phải ghi rõ tên và năng lực của họ, người chuyên chở hoặc thuyền trưởng mà người đại lý thay mặt để hành động và

**ii.** ghi rõ hàng hoá đã được bốc lên tàu hoặc được giao hàng lên một con tàu đích danh.

Việc bốc hàng lên tàu hoặc giao hàng lên một con tàu đích danh có thể được chỉ ra bằng từ ngữ đã được in từ trước trên mặt vận tải đơn rằng hàng đã được bốc xong lên tàu hoặc giao trên một con tàu đích danh. Trường hợp này, ngày phát hành vận tải đơn được coi là ngày bốc hàng lên tàu và là ngày giao hàng.

Trong tất cả các trường hợp khác, bốc hàng lên một con tàu đích danh phải được chứng minh rằng sự ghi nhận trên vận tải đơn và ngày ghi nhận bốc hàng được coi là ngày giao hàng.

Nếu vận tải đơn có ghi "tàu dự kiến" hoặc những từ tương tự có liên quan đến người chuyên chở, việc bốc hàng lên tàu trên con tàu đích danh phải được ghi chú trên vận tải đơn, ngoài việc ghi rõ ngày mà hàng hoá đã được bốc lên tàu

còn phải ghi tên của con tàu đó, thậm chí cả ngay khi hàng hoá đã được bốc lên một con tàu gọi là "con tàu dự định".

Nếu vận tải đơn nơi nhận hàng hoặc nơi nhận hàng để gửi khác với cảng bốc hàng việc ghi chú hàng đã bốc lên tàu cũng phải ghi rõ cảng bốc qui định trên Tín dụng và tên tàu nhận hàng, thậm chí ngay cả khi hàng hoá đã được bốc xong trên con tàu được ghi tên trên vận tải đơn. Điều khoản này cũng được áp dụng ngay cả khi trên vận tải đơn đã in trước chữ hàng đã bốc xong lên tàu.

Và

**iii.** chỉ rõ cảng bốc và cảng dỡ hàng trong Tín dụng dù cho:

**a.** vận đơn ghi nơi nhận hàng để gửi khác với cảng bốc hàng và/hoặc nơi hàng đến cuối cùng khác với cảng dỡ hàng.

Và/hoặc

**b.** vận đơn ghi chữ "cảng dự định" hoặc một từ tương tự có liên quan đến cảng bốc và/hoặc cảng dỡ hàng, miễn là chứng từ cũng phải ghi cảng bốc và/hoặc cảng dỡ hàng quy định trong Tín dụng.

Và

**iv.** chỉ có một vận đơn chính hoặc, nếu số vận đơn phát hành gồm nhiều bản chính, thì phải gồm trọn bộ đầy đủ vận đơn chính đã được phát hành và

**v.** thể hiện tất cả các điều kiện chuyên chở hoặc một vài các điều kiện chuyên chở đó bằng cách dẫn chiếu đến một nguồn hay một chứng từ khác là vận đơn (vận đơn rút gọn hoặc vận đơn trắng lưng): các Ngân hàng sẽ không kiểm tra các nội dung của các điều kiện đó.

Và

vi. không có ghi rằng chứng từ phụ thuộc vào hợp đồng thuê tàu và/hoặc không có ghi là tàu chỉ hàng chạy bằng buồm

Và

vii. còn các mặt khác phải đáp ứng quy định trong Tín dụng.

b. Nhằm phục vụ cho điều khoản này, chuyển tải có nghĩa là dỡ hàng xuống và bốc dỡ hàng từ con tàu này sang con tàu khác từ một hành trình vận tải biển từ cảng bốc tới cảng dỡ hàng quy định trong Tín dụng.

c. Trừ khi các điều kiện ghi trong Tín dụng cấm chuyển tải, các Ngân hàng sẽ chấp nhận các vận tải đơn có ghi hàng hoá sẽ được chuyển tải, miễn là toàn bộ hành trình chuyên chở đường biển chỉ dùng cùng một vận tải đơn.

d. Ngay cả khi Tín dụng cấm chuyển tải, các Ngân hàng sẽ chấp nhận một vận tải đơn, trên đó:

i. có ghi là sẽ chuyển tải chừng nào mà những hàng hoá liên quan được chuyên chở bằng container, các moóc và/hoặc các sà lan LASH đã ghi trên vận tải đơn, miễn là toàn bộ hành trình đường biển chỉ dùng cùng một vận tải đơn mà thôi,

Và/hoặc

ii. có ghi điều khoản người chuyên chở bảo lưu quyền chuyển tải.

## **ĐIỀU 24**

### **Giấy gửi hàng đường biển không chuyển nhượng được**

a. Nếu tín dụng yêu cầu non-negotiable sea waybill từ cảng tới cảng, trừ khi có quy định khác trong Tín dụng, các ngân hàng sẽ chấp nhận các chứng từ, dù được gọi tên như thế nào, mà:

i. Trên bề mặt của chứng từ phải ghi rõ tên người chuyên chở và họ đã được ký tên hoặc được chứng thực bởi:

- o Người chuyên chở hoặc hãng đại lý đích danh của hoặc đại diện cho người chuyên chở, hoặc:
- o Thuyền trưởng hoặc hãng đại lý đích danh của hoặc đại diện cho thuyền trưởng.

Bất cứ việc ký hoặc chứng thực nào của người chuyên chở hoặc của thuyền trưởng phải xác định rõ họ đích thực là người chuyên chở hoặc thuyền trưởng tùy trường hợp có thể? Việc ký của hãng đại lý hay việc chứng thực của người chuyên chở hay thuyền trưởng cũng phải ghi rõ tên và năng lực của họ, tức là người chuyên chở hoặc thuyền trưởng mà hãng đại lý được uỷ quyền.

ii. Chỉ rõ rằng hàng hoá đã được bốc lên tàu hoặc được bốc xong trên một con tàu đích danh.

Bốc lên tàu hoặc được bốc xong trên một con tàu đích danh có thể được chỉ rõ bằng cách in trước trên Non-negotiable sea waybill để chứng minh rằng đã được lên tàu của con tàu đích danh, hoặc bốc xong lên con tàu đích danh trong trường hợp này, ngày phát hành Sea waybill được coi là ngày bốc xong hàng lên tàu và là ngày giao hàng.

Trong tất cả các trường hợp khác, bốc hàng lên tàu đích danh phải được chứng thực bằng một ghi chú trên Sea waybill về ngày mà hàng hoá đã được bốc xong lên tàu, trong trường hợp này, ngày ghi chú hàng bốc xong lên tàu được coi là ngày giao hàng.

Nếu Sea waybill có ghi chú "con tàu dự định" hoặc một từ tương tự để chỉ con tàu chở hàng thì việc bốc hàng xong lên con tàu đích danh phải được ghi chú hàng đã bốc xong trên Sea waybill và ngoài việc ghi ngày bốc xong còn phải ghi rõ tên tàu chuyên chở, ngay cả khi hàng hoá được bốc xong trên một con tàu gọi là "dự định"

Nếu Sea waybill có ghi nơi nhận hàng và nơi nhận hàng để gửi khác với cảng bốc hàng, thì việc ghi chú hàng đã bốc xong cũng được ghi rõ tên cảng bốc được qui định trong Tín dụng, trên con tàu chuyên chở hàng hoá, ngay cả khi hàng hoá đã được bốc xong trên con tàu ghi rõ trên Sea waybill. Điều khoản



này cũng áp dụng đối với Sea waybill mà trên đó đã in sẵn chữ hàng đã bốc lên tàu.

Và

**iii.** ghi tên cảng bốc và cảng dỡ hàng trong Tín dụng, mặc dù chứng từ.

**a.** ghi nơi nhận hàng để gửi khác với cảng bốc hàng và/hoặc nơi hàng đến cuối cùng khác với nơi dỡ hàng xuống.

Và/hoặc

**b.** có ghi từ "dự định" hoặc một từ tương tự có liên quan đến cảng bốc hoặc cảng dỡ hàng, miễn là trên chứng từ vẫn phải ghi rõ cảng bốc và/hoặc cảng dỡ hàng quy định trên Tín dụng.

Và

**iv.** gồm chỉ một bản Sea waybill chính hoặc nếu bên phát hành nhiều hơn thì gồm trọn bộ sea waybill chính đã được lập.

Và

**v.** thể hiện tất cả các điều kiện chuyên chở hoặc một vài điều kiện chuyên chở bằng cách dẫn chiếu tên một nguồn hoặc một chứng từ không phải non-negotiable sea waybill (loại rút gọn hoặc trắng lửng), các Ngân hàng sẽ không kiểm tra các nội dung của các điều kiện đó.

Và

**vi.** không ghi là chứng từ phụ thuộc vào hợp đồng thuê tàu và/hoặc không ghi chú là tàu chỉ chạy bằng buồm,

Và

**vii.** Còn các mặt khác thì phải đáp ứng các quy định trong Tín dụng.

**b.** Nhằm phục vụ cho điều khoản này, chuyển tải có nghĩa là dỡ hàng xuống và bốc lại hàng từ con tàu này sang con tàu khác trong một hành trình vận tải biển từ cảng bốc tới cảng dỡ hàng quy định trong Tín dụng.

**c.** Trừ khi có điều kiện ghi trong Tín dụng là cấm chuyển tải, các ngân hàng sẽ chấp nhận non-negotiable sea waybill trên đó ghi hàng hoá sẽ được chuyển tải, miễn là toàn bộ hành trình chuyên chở đường biển chỉ dùng cùng một sea waybill mà thôi.

**d.** Ngay cả khi Tín dụng cấm chuyển tải, các Ngân hàng sẽ chấp nhận một Sea waybill:

**i.** Trên đó ghi sẽ được chuyển tải chừng nào mà hàng hoá liên quan được chở bằng các contenơ, (các) moóc, và/hoặc các sà lan LASH mà Sea waybill đã ghi rõ, miễn là toàn bộ hành trình vận tải biển chỉ dùng cùng một non-negotiable sea waybill,

Và/hoặc

**ii.** Có điều khoản ghi người chuyên chở được quyền chuyển tải.

## **ĐIỀU 25**

### **Vận tải đơn hợp đồng thuê tàu**

**a.** Nếu Tín dụng yêu cầu hoặc cho phép một vận đơn theo hợp đồng thuê tàu, thì các ngân hàng trừ khi có sự qui định khác trong Tín dụng sẽ chấp nhận một vận tải đơn này, dù được gọi tên thế nào, mà:

**i.** có ghi là phụ thuộc vào hợp đồng thuê tàu,

và

**ii.** thể hiện trên bề mặt của chứng từ là đã được ký tên hoặc được chứng thực bởi:

- o thuyền trưởng hoặc hãng đại lý đích danh của hoặc thay mặt thuyền trưởng, hoặc
- o chủ tàu hoặc hãng đại lý đích danh của hoặc thay mặt chủ tàu.

Bất cứ việc ký hoặc xác nhận của thuyền trưởng hoặc chủ tàu phải được chứng minh rõ là của thuyền trưởng hay chủ tàu tùy mọi trường hợp. Việc ký của hãng đại lý hoặc việc xác nhận của thuyền trưởng hoặc chủ tàu cũng phải ghi rõ tên và năng lực của họ, tức là ghi rõ là thuyền trưởng hoặc chủ tàu mà hãng đại lý của họ được uỷ quyền.

**iii.** ghi hoặc không ghi tên của người chuyên chở.

**iv.** nói rõ hàng hóa đã được bốc lên tàu hoặc bốc xong lên một con tàu đích danh.

Bốc lên tàu hoặc bốc xong lên một con tàu đích danh có thể được ghi rõ bằng chữ in trước trên vận tải đơn là hàng đã được bốc lên con tàu đích danh hoặc đã được giao lên con tàu đích danh, trong trường hợp này, ngày phát hành vận tải đơn được coi là ngày bốc hàng và là ngày giao hàng.

Trong tất cả các trường hợp khác, bốc hàng lên một con tàu đích danh phải được chứng thực bằng một ghi chú trên vận tải đơn và ngày ghi chú bốc hàng lên con tàu đích danh được coi là ngày giao hàng.

Và

**v.** ghi rõ cảng bốc và cảng dỡ qui định trên Tín dụng,

Và

**vi.** gồm chỉ một vận đơn chính hoặc nếu phát hành nhiều vận đơn thì gồm trọn bộ đầy đủ vận đơn chính đã được lập,

Và

**vii.** không có ghi là tàu chạy bằng buồm,

Và

**viii.** còn các điều khác thì phải đáp ứng các qui định trong Tín dụng.

**b.** Ngay cả khi Tín dụng yêu cầu xuất trình một hợp đồng thuê tàu có liên quan đến vận đơn theo hợp đồng thuê tàu, thì các Ngân hàng sẽ không kiểm tra hợp đồng thuê tàu đó, nhưng sẽ chuyển nó cho người nhận hàng mà không chịu trách nhiệm gì.

## **ĐIỀU 26**

### **Chứng từ vận tải liên hợp**

**a.** Nếu tín dụng yêu cầu một chứng từ vận tải bao gồm ít nhất của hai phương thức vận tải (vận tải liên hợp), trừ khi có sự qui định khác trong Tín dụng, các ngân hàng sẽ chấp nhận một chứng từ, cho dù nó được gọi như thế nào, miễn là:

**i.** ghi rõ tên người chuyên chở hoặc người khai thác vận tải liên hợp đã và đã được ký hoặc được chứng thực bởi:

- Người chuyên chở hoặc người khai thác vận tải liên hợp hoặc hãng đại lý đích danh hoạt động nhân danh của người chuyên chở hoặc của người khai thác vận tải liên hợp, hoặc
- Thuyền trưởng hoặc hãng đại lý đích danh của thuyền trưởng

Bất kỳ chữ ký hay chứng thực nào của người chuyên chở, người khai thác vận tải liên hợp hoặc thuyền trưởng phải được nhận biết là đích thị người chuyên

chở, người khai thác vận tải liên hợp, tùy từng trường hợp. Một người đại lý khi ký tên hoặc chứng thực thay cho người chuyên chở, người khai thác vận tải liên hợp hoặc thuyền trưởng cũng phải chỉ rõ tên và năng lực của họ, tức là người chuyên chở, người khai thác vận tải liên hợp, hoặc thuyền trưởng mà hãng đại lý thay mặt họ để hoạt động.

Và

**ii.** ghi rõ rằng hàng hoá đã được gửi đi, đã được nhận để gửi hoặc đã được bốc lên tàu.

Gửi hàng, nhận để gửi hoặc bốc hàng lên tàu có thể được ghi chú bằng chữ trên chứng từ vận tải liên hợp và ngày phát hành chứng từ có được coi là ngày gửi hàng, nhận hàng để gửi hoặc bốc hàng lên tàu và là ngày giao hàng. Tuy nhiên, nếu được đóng bằng dấu hoặc một cách khác thì ngày gửi hàng, ngày nhận hàng để gửi hoặc ngày bốc hàng lên tàu được coi là ngày giao hàng.

Và

**iii. a.** ghi nơi nhận hàng để gửi qui định trong Tín dụng có thể là khác với cảng, sân bay hoặc nơi bốc hàng đến cuối cùng qui định trong Tín dụng có thể là khác với cảng, sân bay hoặc nơi hàng đến,

Và/hoặc

**b.** có từ "dự định" hoặc một từ có liên quan đến tàu và/hoặc cảng bốc và/hoặc cảng dỡ hàng,

Và

**iv.** gồm chỉ một bản chính chứng từ vận tải liên hợp hoặc nếu phát hành làm nhiều bản chính thì gồm trọn bộ đầy đủ các bản chính đó,

Và

v. thể hiện tất cả các điều kiện chuyên chở hoặc một vài điều kiện như thế được dẫn chiếu đến một nguồn hoặc một chứng từ không phải là chứng từ vận tải liên hợp (bản rút gọn hoặc trắng lửng), các Ngân hàng sẽ không kiểm tra các nội dung của các điều kiện đó.

Và

vi. không có ghi là phụ thuộc vào một hợp đồng thuê tàu và/hoặc không có ghi là tàu chỉ chạy bằng buồm,

và

vii. còn tất cả các điều kiện khác đều đáp ứng các quy định trong Tín dụng.

b. Ngay cả khi Tín dụng cấm chuyển tải các Ngân hàng sẽ chấp nhận một chứng từ vận tải liên hợp trên đó ghi rõ chuyển tải sẽ hoặc có thể tiến hành, miễn là toàn bộ hành trình chuyên chở chỉ sử dụng cùng một chứng từ vận tải liên hợp.

## **ĐIỀU 27**

### **Chứng từ vận tải hàng không**

a. Nếu Tín dụng yêu cầu một vận tải đơn hàng không, trừ khi có sự qui định khác, trong Tín dụng, các Ngân hàng sẽ chấp nhận một vận đơn, nếu như trên đó:

i. ghi rõ tên của người chuyên chở và đã ký hoặc được chứng thực bằng cách khác bởi:

- o người chuyên chở, hoặc
- o hãng đại lý đích danh của người chuyên chở.

Bất cứ việc ký hoặc một chứng thực nào của người chuyên chở phải được ghi rõ là người chuyên chở. Một người đại lý khi ký tên hay chứng thực thay cho người chuyên chở cũng phải ghi rõ tên và năng lực của họ, tức là người chuyên chở mà mình thay mặt để hoạt động.

Và

**ii.** ghi rõ rằng hàng hóa đã được nhận chuyên chở

Và

**iii.** nếu Tín dụng yêu cầu ghi rõ ngày gửi hàng thực tế thì phải qui định rằng trên vận đơn hàng không phải ghi chú rõ ràng về ngày gửi hàng đó và coi ngày đó là ngày giao hàng.

Để thực hiện mục đích này, các thông tin ghi trong khung của vận đơn hàng không (như chỉ dùng cho người chuyên chở hoặc một từ tương tự) dẫn chiếu đến ngày và số chuyến bay sẽ không được coi là sự ghi chú cụ thể về ngày gửi hàng đó.

Trong các trường hợp khác, ngày phát hành vận đơn hàng sẽ được coi là ngày giao hàng,

Và

**iv.** ghi rõ sân bay khởi hành và sân bay đến được qui định trên Tín dụng,

Và

**v.** ghi rõ các vận đơn chính cho người gửi hàng giao hàng ngay cả khi Tín dụng qui định một bộ đầy đủ các bản chính hoặc một qui định tương tự,

Và

**vi.** ghi rõ tất cả các điều kiện chuyên chở hoặc một số điều kiện chuyên chở có tham chiếu đến một nguồn hoặc một chứng từ không phải là chứng từ vận tải hàng không, các Ngân hàng sẽ không kiểm tra các nội dung của các điều kiện đó,

**vii.** còn tất cả các điều kiện khác đều đáp ứng qui định trong Tín dụng.

**b.** Để nhằm mục đích phục vụ điều khoản này, chuyển tải được hiểu là sự dỡ hàng xuống và bốc lại hàng lên từ một máy bay sang một máy bay khác trong một hành trình chuyên chở từ sân bay khởi hành tới sân bay hàng đến qui định trong Tín dụng.

**c.** Ngay cả khi Tín dụng cấm chuyển tải, các Ngân hàng sẽ chấp nhận vận đơn hàng không trên đó ghi chuyển tải sẽ hoặc có thể được tiến hành, miễn là toàn bộ hành trình chuyên chở cùng chung một vận đơn hàng không.

## **ĐIỀU 28**

### **Các chứng từ vận tải đường sông hoặc đường sắt, đường bộ**

**a.** Nếu Tín dụng yêu cầu vận đơn đường sông, đường sắt, đường bộ, trừ khi có sự qui định khác, các Ngân hàng sẽ chấp nhận vận đơn các loại nói trên, nhưng phải:

**i.** ghi rõ tên của người chuyên chở, đã được ký hoặc được chứng thực bằng cách khác của người chuyên chở hoặc hãng đại lý đích danh đại diện cho người chuyên chở và/hoặc đóng con dấu tiếp nhận hoặc một chứng chỉ tiếp nhận khác của người chuyên chở hoặc hãng đại lý đích danh hoạt động nhân danh người chuyên chở.

Bất cứ chữ ký, chứng thực con dấu tiếp nhận hoặc một chứng chỉ tiếp nhận nào của người chuyên chở phải xác thực là của người chuyên chở. Một hãng đại lý khi ký tên hoặc chứng thực thay người chuyên chở phải ghi rõ tên và năng lực của họ, người chuyên chở, mà hãng đại lý đó hoạt động

Và



ii. ghi rõ hàng đã được nhận để chở, gửi hoặc chuyên chở hoặc một từ tương tự. Ngày phát hành các chứng từ vận tải được coi là ngày giao hàng trừ khi trên chứng từ vận tải đóng con dấu nhận hàng, trong trường hợp này, ngày đóng dấu được coi là ngày giao hàng.

Và

iii. ghi rõ theo Tín dụng nơi gửi hàng và nơi hàng đến, và

iv. còn các điều kiện khác đều đáp ứng các qui định trong Tín dụng.

b. Nếu trên vận đơn không ghi số lượng bản phát hành thì các Ngân hàng sẽ chấp nhận (các) chứng từ vận tải xuất trình như là một bộ đầy đủ. Các Ngân hàng sẽ chấp nhận các chứng từ vận tải là bản chính dù cho có được ghi là bản chính hay không.

c. Nhằm phục vụ cho mục đích của điều khoản này. Chuyển tải được hiểu là dỡ hàng xuống và bốc lại hàng lên từ một phương tiện vận tải này sang một phương tiện vận tải khác trong một hành trình chuyên chở từ nơi gửi hàng đến nơi hàng đến qui định trong Tín dụng.

d. Ngay cả khi Tín dụng ngăn cấm chuyển tải. Các Ngân hàng sẽ chấp nhận các vận đơn đường sông, đường sắt, đường bộ trên đó ghi rõ chuyển tải sẽ hoặc có thể xảy ra, miễn là, toàn bộ hành trình chuyên chở chỉ dùng chung một vận đơn và trên cùng một phương thức vận tải.

## **ĐIỀU 29**

### **Biên lai bưu điện**

a. Nếu Tín dụng yêu cầu biên lai bưu điện hoặc giấy biên nhận bưu điện, thì trừ khi có qui định ngược lại, các Ngân hàng sẽ chấp nhận một biên lai bưu điện hoặc giấy biên nhận bưu điện, trên đó:

i. Đã được đóng dấu hoặc một được chứng thực bằng cách khác và được ghi ngày tại nơi mà Tín dụng qui định hàng hoá phải được giao hoặc gửi đi ngày đó được coi là ngày giao hàng hoặc ngày gửi hàng.

Và

ii. Tất cả các điều khác đều đáp ứng các qui định trong Tín dụng.

b. Nếu một Tín dụng yêu cầu một chứng từ do bưu điện hoặc công ty dịch vụ giao hàng phát hành chứng minh đã nhận hàng hoá để gửi đi, trừ khi có sự qui định khác trong Tín dụng các Ngân hàng sẽ chấp nhận một chứng từ, nếu trên đó ghi rõ:

i. Tên của bưu điện/ Công ty dịch vụ và đã được đóng dấu, ký hoặc được chứng thực bằng cách khác bởi bưu điện/ công ty dịch vụ (Trừ khi Tín dụng qui định đặc biệt một chứng từ do bưu điện/ công ty dịch vụ đích danh phát hành ra các Ngân hàng sẽ chấp nhận một chứng từ do bất cứ Bưu điện/ Công ty dịch vụ nào phát hành).

Và

ii. ghi rõ ngày lấy hoặc nhận hàng hoặc một từ tương tự, ngày đó được coi là ngày giao hàng hoặc ngày gửi hàng đi.

iii. Còn các điều kiện khác phải đáp ứng các qui định trong Tín dụng.

## **ĐIỀU 30**

### **Chứng từ vận tải do Người giao nhận phát hành**

Trừ khi có sự uỷ quyền khác qui định trong Tín dụng, các Ngân hàng sẽ chỉ chấp nhận một chứng từ vận tải do người giao nhận phát hành, nếu như trên bề mặt của chứng từ đó đã ghi rõ:

i. Tên của Người giao nhận với tư cách là người chuyên chở hoặc là người vận tải liên hợp và đã được ký hoặc được chứng thực bằng cách khác của người giao nhận với tư cách là người chuyên chở hoặc là người vận tải liên hợp.

Hoặc

ii. Tên của Người chuyên chở hoặc người vận tải liên hợp và đã được ký hoặc được chứng thực bằng cách khác của người giao nhận với tư cách một hàng đại lý đích danh hoạt động cho hoặc nhân danh người chuyên chở hoặc người vận tải liên hợp.

### **ĐIỀU 31**

**"Trên boong", "Người gửi hàng bốc và đếm", Tên của người gửi hàng**

Trừ khi có qui định khác trong Tín dụng, các Ngân hàng sẽ chấp nhận một chứng từ vận tải mà:

i. trong trường hợp chuyên chở bằng đường biển hoặc bằng nhiều phương thức vận tải trong đó có chuyên chở bằng đường biển, không ghi là hàng hóa được xếp hoặc sẽ được xếp trên boong,

Tuy nhiên, các Ngân hàng sẽ chấp nhận một chứng từ vận tải có điều khoản nói rằng hàng hoá có thể chuyên chở trên boong, miễn là chứng từ đó không ghi cụ thể là hàng hoá được hoặc sẽ được xếp trên boong,

và/hoặc

ii. có ghi ở mặt trước điều khoản như "đếm và xếp hàng của người gửi hàng" hoặc "người gửi hàng khai gồm có" hoặc những nội dung tương tự,

và/hoặc

iii. có ghi rằng người gửi hàng là người khác không phải là người hưởng lợi Tín dụng

## **ĐIỀU 32**

### **Các chứng từ vận tải hoàn hảo**

a. Các chứng từ vận tải hoàn hảo là một chứng từ không có điều khoản hoặc ghi chú nói rõ ràng tình trạng có khuyết tật của hàng hoá và/hoặc của bao bì

b. Các Ngân hàng sẽ không chấp nhận các chứng từ vận tải có ghi các điều khoản hoặc ghi chú như vậy, trừ khi tín dụng qui định rõ những điều khoản và ghi chú nào đó có thể được chấp nhận.

c. Nếu một chứng từ vận tải đáp ứng các yêu cầu điều khoản này và của các điều khoản 23, 24, 25, 26, 27, 28 và 30 thì các chứng từ đó sẽ được các Ngân hàng coi là phù hợp với các yêu cầu của một Tín dụng đòi hỏi chứng từ vận tải có điều ghi chú "hoàn hảo đã bốc hàng".

## **ĐIỀU 33**

### **Các chứng từ vận tải ghi cước phí sẽ trả/trả trước**

a. Trừ khi có sự qui định khác trong Tín dụng, hoặc trừ khi có sự mâu thuẫn với bất cứ chứng từ nào được xuất trình theo Tín dụng, các ngân hàng sẽ chấp nhận những chứng từ vận tải có ghi là cước hoặc phí vận tải (dưới đây gọi chung là cước phí) chưa được trả.

b. Nếu một Tín dụng qui định rằng chứng từ vận tải phải ghi rõ là cước phí đã được trả hoặc đã được trả trước, các Ngân hàng sẽ chấp nhận một chứng từ vận tải trên đó có ghi rõ ràng là cước phí đã được trả hoặc đã được trả trước bằng cách đóng dấu hoặc bằng cách khác, hoặc trên chứng từ việc trả hoặc trả trước cước phí đã được thể hiện bằng cách khác. Nếu Tín dụng qui định chi phí bưu điện phải được thanh toán hoặc thanh toán trước, các Ngân hàng cũng sẽ chấp nhận chứng từ vận tải do bưu điện hoặc đơn vị dịch vụ chuyển nhanh phát hành trên đó ghi rằng việc thanh toán phí này không tính vào chi phí của người nhận hàng tính vào người gửi hàng.

**c.** Những từ "cước phí có thể trả trước" hoặc "cước phí phải trả trước" hoặc những nội dung tương tự, nếu được ghi trên chứng từ vận tải sẽ không được chấp nhận là bằng chứng của việc thanh toán cước phí.

**d.** Các Ngân hàng sẽ chấp nhận các chứng từ vận tải có dẫn chiếu đến bằng cách đóng dấu hoặc các cách khác, các phụ phí thêm vào cước phí như: các chi phí hoặc các khoản chi trả liên quan đến bốc, dỡ hàng hoặc đến các nghiệp vụ tương tự, trừ khi các điều kiện của Tín dụng rõ ràng cấm việc dẫn chiếu này.

## **ĐIỀU 34**

### **Các chứng từ bảo hiểm**

**a.** Các chứng từ bảo hiểm phải do Công ty bảo hiểm hoặc Người bảo hiểm hoặc đại lý của họ phát hành và ký.

**b.** Nếu chứng từ bảo hiểm chỉ rõ rằng nó được phát hành nhiều bản chính, thì tất cả bản chính phải được xuất trình, trừ khi có sự qui định ngược lại trong Tín dụng.

**c.** Các phiếu bảo hiểm tạm thời do người môi giới bảo hiểm cấp sẽ không được chấp nhận trừ khi có sự cho phép cụ thể trong Tín dụng.

**d.** Trừ khi có sự qui định khác trong Tín dụng, các ngân hàng sẽ chấp nhận một giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc tờ khai bảo hiểm bao do công ty bảo hiểm hoặc người bảo hiểm hoặc đại lý của họ đã ký trước. Nếu Tín dụng yêu cầu giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc tờ khai bảo hiểm bao, các ngân hàng sẽ chấp nhận một đơn bảo hiểm thay thế cho các chứng từ đó.

**e.** Trừ khi có sự qui định khác trong Tín dụng hoặc trừ khi các chứng từ bảo hiểm quy định rằng bảo hiểm có hiệu lực chậm nhất kể từ...